

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Tại thời điểm 30/6/2024



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Địa chỉ: P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	04
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	05 - 14

01202
CÔNG
ÁCH NH
M TOÁN
VIỆT
GIẤ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại thời điểm 30/6/2024.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam), tiền thân là Công ty CP Chứng khoán VNS được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/8/2007. Sau đó, Công ty CP Chứng khoán VNS được đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam theo giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011. Theo Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 16/7/2021 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty CP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam), tên tiếng Anh là Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp. và tên viết tắt là GTJA (Vietnam).

Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 45/GPĐC-UBCK ngày 20/12/2016, số 06/GPĐC-UBCK ngày 17/01/2018, số 30/GPĐC-UBCK ngày 17/5/2019, số 64/GPĐC-UBCK ngày 22/10/2019, số 104/GPĐC-UBCK ngày 22/11/2021 và số 02/GPĐC-UBCK ngày 16/01/2024 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ngày 16/01/2024, Công ty được Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 02/GPĐC-UBCK điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/8/2007 về thay đổi Tổng Giám đốc.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 64/GPĐC-UBCK ngày 22/10/2019 thì: Vốn điều lệ theo đăng ký: 693.500.000.000 VND (Sáu trăm chín mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Wang Jun Hong

Ông Yim Fung

Ông Nguyễn Thanh Kỳ

Ông Huang Bo

Ông Wei Xi

Ban Tổng giám đốc

Ông Huang Bo

Ông Bùi Quang Kỳ

Ông Hoàng Anh

Bà Lê Thị Lan Hương

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên độc lập

Thành viên

Thành viên

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó Tổng giám đốc

Giám đốc điều hành

Giám đốc tài chính

Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Tất Thành

Bà Hoàng Thị Thanh Hoa

Bà Shen Jing

Chức vụ

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Trụ sở chính của Công ty: P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2024 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 30/6/2024.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)



Huang Bo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2024

Số: 1208.02 - 24/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO SOÁT XÉT
về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2024

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 04 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 14 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2024 phù hợp quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2024 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2024 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, được lập và trình bày không phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính.



Ngô Bá Duy

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2024

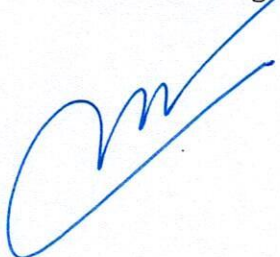
Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2024

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Mai

Phụ trách bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Dương Thu Hà

Tổng Giám đốc



Huang Bo

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2024

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	693.500.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	28.280.000.000		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.169.366.013		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	648.823.913		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	42.638.479.137		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	71.461.156.813		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		3.363.965	143
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			837.694.462.054
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4	Các khoản cho vay		2.244.101.206	
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			-
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			-
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		92.710.405	
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		38.776.186.362	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			-
II	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			-
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		2.154.014.036	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		2.000.000	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			-

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM) BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng,
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Tại thời điểm 30/6/2024

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
7	Tài sản ngắn hạn khác		729.676.000	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		-	
1B	Tổng			43.998.688.009
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn		29.500.000.000	
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư		-	
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con			
2.3	Đầu tư dài hạn khác		29.500.000.000	
II	Tài sản cố định		8.272.454.545	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
V	Tài sản dài hạn khác		16.412.981.171	
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		842.466.100	
2	Chi phí trả trước dài hạn		2.844.969.176	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		12.725.545.895	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	<i>Các chỉ tiêu tài sản</i> bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng			54.185.435.716
D	Các khoản ký quỹ			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	Tổng			
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D				739.510.338.329

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				-
1	Tiền mặt (VND)	-	168.163.987	-
2	Các khoản tương đương tiền	-		-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	-	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ				-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	-	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương.	3	-	-
III. Trái phiếu tổ chức tín dụng				
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

IV. Trái phiếu doanh nghiệp					-
7	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết				
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8		-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10		-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15		-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20		-	-
8	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết				
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25		-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30		-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35		-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40		-	-
V. Cổ phiếu			342.630		47.543
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	209.830		20.983
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15		-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	132.800		26.560

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM) BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNHĐịa chỉ: P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng,
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Tại thời điểm 30/6/2024

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30		
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	-	-
VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			120.200	96.160
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30	-	-
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20	-	-
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25	-	-
19	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	-	-
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	120.200	96.160
VIII. Chứng khoán phái sinh				-
21	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
22	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-
IX. Chứng khoán khác			21.325.400.000	17.060.320.000
23	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	21.325.400.000	17.060.320.000
24	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
25	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
26	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAIJUNAN (VIỆT NAM) BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNHĐịa chỉ: P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng,
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Tại thời điểm 30/6/2024

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

27	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần.	10		
28	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác			-
29	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành			-
30	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			-
31	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			
IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				17.060.463.703

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2024
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	<i>Giá trị rủi ro</i>
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (<i>Thuyết minh 1</i>)	23.075.899.726
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (<i>Thuyết minh 2</i>)	-
Rủi ro tăng thêm (<i>Thuyết minh 3</i>)	6.922.769.918
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	29.998.669.644

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Hệ số rủi ro	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
Loại hình giao dịch	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1 Tiền gửi kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	23.075.899.726	-	23.075.899.726
2 Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN							23.075.899.726

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100	-	-
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				-

3. Rủi ro tăng thêm

TT	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30%	23.075.899.726	6.922.769.918
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				6.922.769.918

BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2024
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	52.060.854.451
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 1)	3.112.098.026
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	48.948.756.425
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	12.237.189.106
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	50.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max{IV,V})		50.000.000.000

1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

	Giá trị
Chi phí khấu hao	2.482.299.302
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(78.268.865)
Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(268.302)
Chi phí lãi vay	708.335.891
	3.112.098.026

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	17.060.463.703	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	29.998.669.644	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	50.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	97.059.133.347	
5	Vốn khả dụng	739.510.338.329	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	762%	

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Mai

Phụ trách bộ phận
Kiểm soát nội bộ

Dương Thu Hà

Tổng Giám đốc

Huang Bo